

HOÀNG HẢI THÙY

TẾT LÍNH



Tết lính

Hoàng Hải Thủy



tết lính

Hoàng Hải Thủy

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

tết lính

HOÀNG HẢI THỦY

**Tuần báo KHỞI HÀNH
số 39, 40 – Xuân 1970**

*Tặng những người
bạn lính của tôi
trong Đệ Nhất Đại Đội
Võ Trang Tuyên Truyền.*

H. H. THỦY

Năm ấy, tôi và 12 người bạn lính,
ăn Tết Nguyên Đán trên hải đảo
Phú Quốc.

Chúng tôi là những đội viên của
“cái gọi là Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang
Tuyên Truyền”, một danh hiệu dài lê
thê thường bị lầm với Vô Tuyến Truyền
Thanh vì được viết tắt bằng những chữ

đầu ĐNĐĐVTTT. Phải gọi đơn vị ấy của chúng tôi là “cái gọi là” mới đúng, vì nó đã xưa cũ quá rồi – đã hơn 15 năm – rồi còn gì – qua bao nhiêu năm tháng và từng ấy vị chỉ huy, đơn vị xưa cũ ấy đã thay họ, đổi tên, kẻ vô, người ra quá nhiều. Đến bây giờ, thực sự nó được gọi là gì, tôi cũng không biết rõ.

Tôi chỉ biết nó nằm trong Cục Tâm Lý Chiến thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị bi giờ và người cũ ở đó, người đã cùng tôi gia nhập nó từ hơn 15 năm xưa, hiện giờ gần như không còn ai. Thiếu Tá Trần Tử Oai, Trưởng Phòng Năm, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH – ngày đó Tướng Oai mới là Thiếu Tá và Bộ Tổng Tham Mưu của quân ta nằm ở đường Trần Hưng Đạo – đã khai sinh ra Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền.

Khi tôi mới chân ướt, chân ráo đến Phòng Năm thì bên trong đã có mặt Trung Úy Lê Đình Thạch, Thượng sĩ Tô Kiều Ngân, Thượng sĩ Hà Thúc Cần, Trung sĩ Hoàng Giác (Ngày về), Trung sĩ Trọng Khương (Bánh xe lãng tử) – những cậu Văn Quang, Phạm Huấn, Hà Huyền Chi v.v... những văn nghệ sĩ kaki hiện giờ nổi danh trong Cục Tâm Lý Chiến thời đó còn đạp xe máy đi học, làm thơ tình lớn nữ sinh ở những chân trời góc biển nào xa lắm lắm – anh Văn Thiệt bây giờ hình như ở cấp Thiếu tá, cùng vào Đệ Nhất Đại Đội VTTT với tôi một ngày.

Tôi còn nhớ huy hiệu của Đại Đội vẽ hình khẩu súng Tôm-Sơn vất lên cây đàn cò. Đàn cò chứ không phải là đàn ghi-ta, chắc vì ý nghĩa đàn cò mới là đàn dân tộc trong khi đàn ghi-ta là đàn ngoại quốc. Tuy mang huy hiệu có đàn cò và

súng Tôm-Sơn nhưng sự thực, chúng tôi không được sử dụng hai thứ vũ khí ấy. Đạn cò thì không thằng nào biết gậy còn súng thì chúng tôi được cấp loại súng Mas 38. Súng Mas 38 trong thời Đệ Nhất Thế Chiến có thể là một loại súng tối tân, sau năm 1950, nó chỉ còn được dùng để gác cửa. Vì là vũ trang tuyên truyền cho nên đi đâu, ngoài việc phải khiêng máy phóng thanh, máy quay phim, chúng tôi còn phải xách theo khẩu Mas 38 đạn bắn rơi ra trước mặt. Cũng may, trong suốt thời gian ở lính, tôi chưa từng đụng độ với địch lần nào nên chưa bị chết vì “cái gọi là” súng Mas 38.

Xỏ tay vào áo lạnh, tôi được mang lon hạ sĩ nhất tức Cai Xếp, lương 1800 không kể vợ con. Chừng nửa năm sau, tôi cùng một lô thanh niên cùng vào đại đội chừng 20 người, được đeo lon Trung

sĩ. Bọn chúng tôi được coi là rường cột của Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền.

Căn cứ đại đội tôi đặt trong một vi-la ở đường làng thứ 19 hay 21 gì đó bây giờ là đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Ở cái vi-la trông không có vẻ gì là trại quân đó tôi đã sống những ngày đầu tiên trong đời lính tráng: tập đi ắc ê, dùng máy phát thanh, quay phim, sống tập thể, báo động giả, cắm trại và gác cổng. Ở đó tôi đã buồn phiền, đã giận hờn, đã bất mãn và đã yêu, đã sống.

Những năm về sau, vi-la đó trở thành trường tư thực. Trường Nhân Vị. Nhiều năm sau có một buổi chiều tình cờ tôi đi ngang cửa trường. Không còn chút dấu vết gì của trại lính năm xưa ở đó. Con đường này năm xưa còn hoang vu, còn đồng mà bây giờ đầy nhà và đầy người.

Tôi bồi hồi nhớ lại tôi của những đêm cuối năm về khuya trời lạnh, làm xếp bót giữ công trại, thức suốt đêm không ngủ. Với cấp bậc Trung sĩ tôi được làm Xếp Bót và, Xếp Bót được quyền thức canh ở điểm canh từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng, phần còn lại giao cho Phó Trưởng Điểm, tức là Xếp vẫn được ngáo từ nửa đêm tới sáng và đêm thức canh như không lấy gì mệt nhọc lắm. Xong, người anh em được cắt làm Phó của tôi những đêm ấy biết tính tôi dễ dãi, nói trước:

– Anh cứ việc đi chơi, để tôi gác trước cho. Nửa đêm anh đi chơi vào trại cũng được...

Tôi biết các bạn muốn được ngủ và tôi vẫn vui lòng. Có những đêm tôi đi bộ từ Tân Định vào trại. Đường tối om với những hàng cây um tùm. Cũng có đêm tôi thấy rờn rợn. Đằng trước có một bãi

tha ma. Đằng sau trại là một nghĩa địa. Binh sĩ gác trên lô cốt sau trại nhìn xuống nghĩa địa ban đêm bảo nhau là nghĩa địa có ma. Nhiều đêm khuya làm Xếp Bót, tôi thường đi loanh quanh trong trại cho đỡ buồn ngủ. Tôi leo lên lô cốt hỏi chú binh nhì đang gác ở đó:

– Có thấy gì không mày?

Nghĩa địa chỉ là một vùng tối đen thấp thoáng những mộ chí bằng đá hoặc xi măng trắng trắng. Chú binh nhì đáp:

– Đứng một mình mới thấy anh ời. Có hai người nó không ra đâu...

Nghĩa địa là phải có ma, đó là chuyện thường, nhất là những giờ gác đêm ướt lạnh vì mưa khuya. Có điều chính mắt tôi chưa bao giờ nhìn thấy bóng ma nào ở bãi tha ma trước trại cũng như sau trại.

Tôi cùng tiểu đội rời Sài Gòn vào một buổi sáng sớm cuối năm. Chúng tôi đi trên hai chiếc Dodge 4 để xuống Rạch Giá. Khởi hành từ bình minh ở Sài Gòn, tới 5 giờ chiều chúng tôi mới tới Rạch Giá. Đường đi mất nhiều giờ vì phải qua hai con sông Tiền Giang, Hậu Giang. Thời đó lực lượng Việt Cộng ở miền Nam rất yếu, tất cả mãnh lực của chiến tranh như dồn cả vào những mặt trận Bắc Việt.

Xe chúng tôi chạy gần một ngày, qua gần hết phần đất cuối cùng của giải đất hình chữ S mà không nghe thấy một tiếng súng. Sự có mặt của địch thời đó trên những con lộ chính của miền Nam chỉ là những trái mìn đánh quân xa,

chiến xa mở đường. Chúng tôi đi an ninh như vậy cho nên tiểu đội chỉ có Mas 36 và Mas 38 mà vẫn không làm sao hết, vì không có địch tấn công nên không phải dùng tới súng.

Tối Rạch Giá, quê hương của loài hải âu – biển vào sát thành phố, buổi chiều tôi ra bãi biển đứng nhìn ra khơi thấy có nhiều hải âu bay lượn trên những tấm lưới đánh cá, giăng phơi hãy còn dính mắc những con cá nhỏ – chúng tôi ngủ lại một đêm chờ tàu đi Phú Quốc.

Tàu đây không phải là tàu của Hải Quân. Gọi là ghe gắn máy mới đúng. Đó là những chiếc ghe gắn máy của Ba Tàu được Phân Khu Phú Quốc mượn tháng chở lương thực và binh sĩ đi phép, đi lấy thư cùng vợ con binh sĩ. Ghe đậu nghe trước Tòa Tỉnh. Buổi tối, nước ròng, vào khoảng 8 giờ, ghe ra khơi. Nhường chỗ

nằm dưới khoang quá chật cho đàn bà, trẻ con, tôi và vài người bạn leo lên nằm trên mui ghe.

Đêm trăng. Ra khơi. Trời biển sáng vàng vạc chỉ có trời nước mênh mông. Máy tàu nổ xình xịch và con tàu như đứng mãi một chỗ không đi. Cảm giác lìa xa đất liền cũng hay hay vì đây là lần thứ nhất tôi đi tàu ra biển. Dù tàu không ra tàu và nơi đến không xa xôi gì lắm, xong cũng vẫn là đi xa đất liền, vẫn là ra khơi.

Tàu đi một đêm. Sáng sớm, tôi đã nhìn thấy Phú Quốc. Hải đảo cây trên núi xanh rì. Nhìn xa, Phú Quốc có vẻ là một hải đảo giàu thổ sản và hiền hậu. Dưới biển là cá, trên đảo là cây. Vua Gia Long ngày còn lưu lạc đã từng sống trên Phú Quốc nhiều năm. Có nhiều hòn đảo nhỏ nằm quanh Phú Quốc.

Vua Gia Long ngày xưa có đặt lò đúc tiền kẽm ở một trong những hòn đảo nhỏ đó. Người ta nói bây giờ vẫn còn di tích: những nồi gang nấu chì kẽm, những đồng tiền đúc hư còn bỏ lại ở trước cửa hang. Trên đảo Phú Quốc có những bãi cỏ phẳng lý rộng như cả một cái sân banh tự nhiên nổi lên trên núi, giữa rừng. Đó là những bãi voi quần. Mỗi năm đến mùa tình ái của loài voi, voi đực, voi cái từ khắp nơi trên đảo theo tiếng gọi của ái tình kéo về đó, chúng quần thảo ở đó làm cho cây rừng không mọc được.

Người ta còn nói trên núi có một cái hang sâu. Trong hang có hai thạch nhũ giống hệt cặp vú đàn bà. Cặp vú núi này rỉ nước ngọt ra từng giọt và Vua Gia Long đã từng ẩn trốn trong hang núi đó, dùng nước rỉ ra từ cặp vú tiên để sống. Có một ngày đẹp trời nào đó Vua buồn

tình, tần mẩn sờ tay vào một cái vú thử chơi và vú tiên lập tức tắc tị không chảy nước nữa. Vua ngại quá không dám đưa tay rông sờ vào vú thứ hai nên bây giờ, trong hang động đó, cái vú tiên bị Vua sờ vẫn còn nhưng không chảy nước nữa, chỉ còn cái vú tiên thứ hai chưa bị Vua sờ là còn chảy nước.

Đó là những chuyện tôi được nghe kể lại trong thời gian đi thăm thú ở Phú Quốc. Chỉ được nghe kể nhưng không được lên coi. Phú Quốc có chiều dài 70 cây số và chiều ngang 50 cây số và có một con đường dài chạy suốt từ Dương Đông tới mũi Cây Dừa, nhưng từ năm 1946, VC đã chặt cây đổ xuống bịt kín con đường đó. Muốn di chuyển từ Cây Dừa là nơi tôi đóng quân và có trại tù binh về Dương Đông, phải đi đường thủy mất chừng ba tiếng đồng hồ.

Dương Đông là thị trấn của đảo. Ở đây có chợ, có vựa nước mắm, có dân chúng, có sân bay. Tiểu đội tôi không đến Dương Đông, chúng tôi đến Cây Dừa, mỏm đất cuối đảo. Gọi là Cây Dừa vì ở đó có nhiều dừa. Trước kia người Pháp xây một nhà máy ép dầu dừa ở đó. Từ ngày chiến tranh, nhà máy này đóng cửa bỏ hoang. Dừa nhiều đến nỗi sau đó chúng tôi chán không thiết trèo lên cây hái dừa lấy nước uống nữa.

Năm Quân Đội Trung Hoa Dân Quốc phải rút khỏi lục địa, một số đã dùng thuyền đi xuống miền Nam, ghé vào ở nhờ trên đảo ít lâu trước khi về Đài Loan. Họ ở Cây Dừa. Họ dẫn cây, lấy gianh, làm nên hàng ngàn căn nhà gỗ ở ven núi. Bây giờ tất cả những căn nhà đó đều bỏ không. Có những buổi sáng, tôi và vài người bạn trong tiểu đội xách

súng đi chơi trong khu nhà hoang đó. Chúng tôi có cảm giác lạc vào thành phố chết. Khu này có nhiều nhà rất đẹp. Có những nhà làm cho Tướng ở có hồ sen, quán nghinh phong, có cây cầu nho nhỏ cuối dòng bắc ngang. Lính Tàu làm cả một sảnh đường dùng làm nơi hội họp, diễn tuồng. Tòa nhà này thật lớn nhưng được làm nên toàn bằng gỗ, không có qua một cây đinh sắt nào.

Quân ta đóng ở Cây Dừa năm đó là để giữ Trại Tù Bình. “Căng” này do Quân đội Pháp lập nên và mới đây, giao lại cho quân đội VN. Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ được giao quyền chỉ huy Phân Khu Phú Quốc, người phụ tá ông là Đại úy Trần Vĩnh Đắc. Cấp bậc của các vị này đây đều là cấp bậc của các vị thời đó, tức là cách đây hơn 15 năm – Trên núi trong đảo có VC, nhưng lực lượng chúng yếu, không

dám ra đánh, dù là đánh trộm. Quân ta cũng không đủ đông để mở hành quân tảo thanh toàn đảo. Đứng ra thì quân ta đóng ở Cây Dừa chỉ có phận sự giữ trại tù binh.

Trại tù binh thời đó ở Cây Dừa gồm 4 trại. Mỗi trại chứa 4.000 người, tất cả đều là đàn ông và có thể nói tất cả đều là người bị quân Pháp bắt trong những cuộc hành quân lớn ở miền Bắc và miền Trung giáp với miền Bắc. Trong số 12.000 tù binh ở 4 trại này, theo sự nhận xét của tôi, có tới một nửa bị bắt oan. Họ là những dân quê không may lạc vào mặt trận, bị quân Pháp bắt gán cho nhãn hiệu tù binh và đem đi tập trung cho đến ngày hết chiến tranh.

Công tác của tiểu đội VTTT chúng tôi ở đây thật nhàn hạ. Chúng tôi phụ trách việc tuyên truyền, chiếu phim

trong các trại tù binh, kiểm duyệt thư từ ra vô và kiểm soát những phòng Thông Tin, bày báo chí, sách của mình trong 4 trại. Có được mấy bộ phim còm mang theo, chúng tôi chiếu hết trong tháng đầu. Không có phim mới thì khỏi chiếu. Chẳng ai đòi hỏi chúng tôi phải làm việc nhiều. Tôi lại có máu lười rất nặng. Buổi sáng, tôi ngủ tới 9 giờ, ngủ đến lúc chán không ngủ được nữa mới dậy. Có những buổi sáng, Đại Tá Lễ huỳnh huých tập thể thao một mình ở sân cờ. Căn phòng tôi ngủ nhìn ra sân cờ. Có lần tôi đang ngủ mở mắt nhìn ra thấy Đại Tá ở ngay trước sân, tôi hoảng quá vội lồm cồm bò dậy và sỉ vả anh em:

– Chúng mày dậy trước không đóng cửa lại. Ông ấy trông thấy giờ này tao còn nằm phây phây ngủ thì chết tao còn gì..?

Thư từ của tù binh và thân nhân gửi ra, gửi vô rất nhiều. Chứa đầy một nhà. Tất cả đều phải kiểm duyệt. Những ngày đầu tôi thấy việc kiểm duyệt thư hay hay nên chăm tới bóc thư ra xem. Nhưng chỉ vài ngày sau là thấy chán. Thư nào cũng chỉ có vài dòng giống nhau, tả cảnh nhà đói khổ, chết chóc. Có những bức thư làm tôi buồn. Thường là thư của em gửi cho anh: “Anh bị bắt đi. Ở nhà chị đi lấy chồng khác, cháu bị chết, mẹ bị chết. Nhà bị cháy chẳng còn gì...” Sau khi bị đọc vài bức thư đen tối như thế, tôi dặn các bạn tôi:

– Hễ đọc thấy cái thư nào gửi vào báo tin con nó chết, vợ nó bỏ đi lấy chồng khác... thì chúng mày cứ thủ tiêu đi. Đừng cho đem vào trại. Tội nó khổ chỉ sống với hy vọng mong có ngày được trở về với vợ con. Đưa cho nó cái thư như

thế, nó hết hy vọng nó chết còn gì? Cứ để nó hy vọng còn nhân đạo hơn....

Tôi và các bạn tôi sống những ngày nhàn nhã trên đảo. Buổi sáng chúng tôi đi chơi lang thang ven biển, đi qua những trại tù, Buổi trưa sau giấc ngủ trưa chúng tôi kéo nhau ra biển tắm. Buổi tối bày đặt ăn nhậu, ca hát với nhau. Tôi chỉ buồn có một lúc trong ngày. Đó là buổi chiều, vào lúc chạng vạng tối. Tôi thường ngồi trên tảng đá cao nhìn ra biển, thấy những con sóng lớn như những đoàn GMC theo nhau từ xa chạy vào bãi cát, nghe tiếng sóng biển ì ầm và tưởng tượng đến cảnh giờ này ở Sài Gòn, các bạn tôi đi làm về, vừa tắm rửa xong, sửa soạn đi ăn, đi chơi. Buổi tối là giờ tôi nhớ Sài Gòn nhất.

Tôi có người yêu, hơn cả người yêu, tôi có vợ chưa cưới ở Sài Gòn. Người yêu con nhà lành, hoàn toàn ngây thơ, bị tôi

xử ức chỉ biết khóc và lo sợ. Nhớ và viết thư. Ngày viết tới hai ba thư dày cộp – Quân thư chưa phải mất tiền tem – mỗi lần Vaguemestre về Rạch Giá lấy thư đem về cho tôi cả chục lá thư của người yêu nhỏ. Ngày tháng trôi qua, tôi hẹn nàng đến Tết sẽ về nhưng rồi Tết đến, bọn tôi vẫn ở lì trên đảo.

*

Phân khu có một Phòng Năm. Trưởng Phòng là một ông Trung úy. Tôi tuy là lính Bộ Tổng Tham Mưu nhưng tới đây, phải làm việc dưới quyền ông trung úy này. Tôi vì còn trẻ nên hăng tiết vọt, nên tự gây ác cảm và hiềm khích với đương sự. Tôi thấy ông ta dốt. Mà ông ta dốt thật, làm công tác chiến tranh chính trị, tác động tinh thần mà một bài đề cao

ta, hạ giá địch lắm lắm để đọc trong máy phóng thanh cho tù binh nghe đương sự cũng không viết nổi. Sau ít ngày đầu tạm vui vẻ, tôi càng ở lâu càng gây nhiều mâu thuẫn với đương sự. Ông Trung úy đâm ra ghét tôi, ông đợi dịp cho tôi một mách.

Đêm Ba Mươi Tết, chúng tôi được lệnh vào chiếu phim trong một trại tù. Người ra lệnh cho tôi làm việc đó là ông Trung úy nhưng ông ta lại quên không thông báo nên binh sĩ gác trại giam không mở cửa trại cho chúng tôi vào. Tôi bực lắm, toan bảo anh em khiêng đồ nghề về thì ông Trung úy khật khưởng xách ba toong đến – Ông ta hãy còn trẻ, – nhưng xách ba toong là một cái mốt của sĩ quan ở đảo, có thời cả lính cũng bắt chước mỗi anh cầm một cái gậy đến nỗi Đại úy Đắc thấy ngứa mắt phải ra lệnh cấm lính cầm gậy – ông vừa đi nhậu rượu ở đâu về, hơi

rượu đế từng bình giọng ông khô nặc. Tôi trách ông thiếu nhiệm vụ và đòi đi về, viện lẽ trời đã tối quá rồi, chúng tôi không kịp căng màn ảnh và sắp đặt máy. Tôi và ông cãi nhau, to tiếng một mách trước cổng trại tù binh.

Bị mất mặt, đương sự ức sườn, bèn về làm báo cáo khép tôi vào tội vô kỷ luật, không tuân lệnh thượng cấp, khẩn cấp đưa lên Đại úy Đắc ngay sáng hôm sau. Đại úy Đắc là sĩ quan tốt, gương mẫu và tính nóng như lửa. Vì gương mẫu nên ông rất ghét binh sĩ vô kỷ luật. Vì tính nóng nên ngay sáng mồng Một Tết, ông cho lệnh tập hợp bọn tôi trước sân cờ, đến sĩ vả tôi một chập và ra lệnh đem tôi đi tù ngay lập tức.

Tôi lúu rúu lên xe đi chịu phạt. Tôi biết tính Đại úy rất nóng, nếu lúc đó tôi đại

dột phân trần, nói bướng, sẵn gây trong tay, ông có thể quật tôi năm bảy cái.

Thế là sáng mồng Một Tết năm ấy, ở đảo Phú Quốc, tôi đi tù quân. Tôi đã là hạ sĩ quan rồi. Chiếu luật, tôi chỉ phải ở nằm bột gác. Nhưng bột gác ở đây lại ở ngay sân cờ, tức là gần ngay căn nhà tôi ở. Cho tôi nằm đó chỉ thêm bực mình, chướng mắt, tôi bị đưa vào tận một cái đồn trong đảo cho khuất mắt.

Đồn này có một đại đội trấn đóng. Đại đội trưởng là một ông Thiếu úy trẻ tuổi. Ông ra nhận tôi và khuyên nhủ tôi vài câu, đại khái:

– ...mình là Trung sĩ tại sao lại đại cãi lộn Trung úy. Dù ông Đại úy có thương nhưng ông cũng cứ phạt vì ông Trung úy đã báo cáo....

Thế rồi, tôi thấy trong bớt gác của đồn, nơi tôi phải ở mấy ngày tù, xuất hiện một ông Trung sĩ. Ông này người Bắc, đã có tuổi và tôi đã gặp ông vài lần ở ngoài Phân Khu. Ông vui chuyện, nhận họ với tôi và sốt sắng mời tôi đến nhà ông ăn bữa cơm trưa nay với gia đình ông...

– Chẳng mấy khi Tết nhất. Ông Thiếu úy Đại đội trưởng cũng nhã ý mời tôi ăn cơm trưa với ông nhưng thấy ông Đội sốt sắng với tôi quá, ông nhường hân hạnh mời tôi ăn bữa cơm đầu tiên trong năm cho ông Đội.

Từ Phân Khu ngoài bờ biển vào đồn quân này xa chừng 3 cây số. Tôi tới đây được một lúc thì đội viên của tôi cũng tới nơi. Anh em định mang cơm từ ngoài đó vào cho tôi nhưng tôi cho họ biết là anh em cứ yên trí, tôi đã có người mời ăn trưa nay rồi, trịnh trọng mời nữa là

khác, tôi kiêu hãnh ra cái điều là đi đến đâu cũng có người mến, đón rước v.v...

Anh em bèn ra về, Và trưa mồng Một Tết ấy, tôi nằm khàn ở bớt gác, đợi mãi đến bốn năm giờ chiều cũng chẳng thấy mặt mũi ông Đội mời ăn cơm xuất hiện. Thì ra ông ta máu mê cờ bạc. Sau khi từ giã tôi, ông sà vào một đám bạc và vì thua, ông mãi gỡ, quên cả về nhà ăn cơm và quên bếng cả ông khách quý là tôi đói meo nằm chờ ông rước đi đón.

Trên đảo Phú Quốc một cái Tết cách đây 15 tôi bị tù bị nhin đói tới gần hết ngày mùng Một. Ông Đội Xạo, ngượng, tránh mặt tôi luôn. Sáng mồng Hai Tết, Đại úy Đắc một mình lái xe Jeep tới thăm tôi. Ông cũng an ủi tôi đôi câu đại khái như ông Thiếu úy đã nói:

– Tại sao mình là Trung sĩ mà lại đi ăn thua với người ta là Trung úy v.v...

Rồi ông bảo với ông Thiếu úy Trưởng đồn cho tôi vào nhà ở, khỏi phải nằm bất canh tang thương. Ông Thiếu úy mời tôi vào ở chung nhà với ông cho đủ số 4 ngày tù. Kể cũng hách...

Trong quân ngũ, việc ở tù thật khó tránh. Ít nhất đó là nhận xét của riêng tôi. Ở lính hai năm, tôi bị tù chừng 60 ngày. Lính thì nhiều thứ tù. Có thứ tù chỉ phải ghi vào hồ sơ cá nhân, có thứ tù nằm phây phây ở bất gác, có thứ tù phải đi nằm ở nhà tù của Đệ Nhất Quân Khu, có thứ tù vào khám Chí Hòa hoặc Quân lao. Tôi đã thưởng thức đủ thứ tù lính, trừ tù Chí Hòa. Ngày tôi ở lính chưa có Quân lao.

Chừng nửa tháng sau Tết, tức là sau lần tôi bị phạt tù ở Cây Dừa, chúng tôi có lệnh dọn đồ xuống tàu về Sài Gòn. Có lẽ vì thấy tôi ba gai quá nên thiên hạ cho tôi về cho được việc, có để tôi ở lại tôi cũng chẳng chịu làm gì; phạt tù nữa thì phiền, sợ mất lòng Thiếu Tá Trần Tử Oai, vì tôi là lính của Thiếu Tá Oai, đến địa phương công tác. Bỏ tù lính của Thiếu Tá Oai tức là làm bĩ mặt ông. Chỉ có cách cho tôi về là tiện nhất.

*

Ngày rời Cây Dừa, tôi lên chào Đại úy Đắc. Ông trao cho tôi một phong thư cầm tay về đưa cho Thiếu Tá Trần Tử Oai. Tôi biết thư này thế nào cũng nói đến tôi và vụ tôi bị tù ở đây nên xuống tàu, tôi bóc thư ra coi trộm. Đúng như tôi nghĩ. Trong thư Đại úy Đắc viết rằng tôi là một trung sĩ có nhiều khả

năng, làm việc tích cực, số dĩ xảy ra vụ tôi bị phạt là vì có hiềm khích với một sĩ quan.

Thế là tôi yên trí về Sài Gòn. Về tới trại Đại Đội, nơi hơn hai tháng trước tôi lên xe ra đi, người ta hù tôi:

– Chết mày rồi. Thiếu Tá giận vụ mày bị tù lắm. Mày là thằng lính đầu tiên của ông ấy đã công tác xuống địa phương bêu bối để cho địa phương bỏ tù... Thế nào ông cũng phạt mày ít nhất là 15 củ nữa...

Nghe anh em dọa, tôi cũng hơi lo. Sự thật thì tôi không muốn làm mất lòng Thiếu Tá Oai. Ông đối với tôi thật tốt. Về tới trại lúc 6 giờ tối, tôi bị giữ lại ngay trong trại không được về nhà để sáng sau, theo ông Đại đội Trưởng lên trình diện Thiếu Tá Oai. Nguyên do chỉ vì tôi bị tù ở Phú Quốc.

11 giờ trưa, tôi được đưa vào văn phòng Thiếu Tá Oai ở Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc đó, tôi còn nguyên râu ria – tới đảo, tôi để râu trông rất quái dị – còn nguyên áo trận, mũ sắt. Thiếu Tá Oai mặt rất lạnh, bảo tôi trình bày nguyên do tôi bị phạt ở đảo.

Tôi bèn, trước hết, đệ trình người bức thư tay của Đại úy Đắc. Bức thư vô cùng quý báu với tôi. Người bèn đọc và tôi bèn thấy mặt người nguôi nguôi. Trong lúc ông Đại Đội Trưởng của tôi – quá sợ Thiếu Tá Oai, – đứng ngay đơ cán cuốc – ông ta còn sợ bị liên lụy cả với tôi nữa – tôi đành hoàng bỏ mũ sắt xuống bàn, đứng nghỉ và kể lể một thiên truyện ngắn do tôi sáng tác ra về vụ tôi bị tù oan ở đảo. Trong truyện ngắn ấy, tôi là một quân nhân gương mẫu, vì tuân lệnh của Thiếu Tá Trưởng Phòng Năm, vị chỉ

huy trực tiếp của tôi, nên tôi bị thù ghét. Nguyên vì Thiếu Tá Oai có dặn chúng tôi phải bảo vệ máy móc đem theo, ông Trung úy ngoài đảo lại cứ bắt chúng tôi đem súng ra hàng rào tập trận giả. Bọn tôi, vì phải bảo vệ máy móc theo đúng lời dặn của thượng cấp, nên đến nơi chỉ định chậm, nên tôi bị ghét v.v..

Tôi còn nhớ từng lời buổi sáng đó.
Thiếu Tá Oai hỏi tôi:

– Tại sao lại bị người ta phạt tù?

Tôi đáp:

– Thưa Thiếu Tá... tại vì ông Trung úy ngoài đó ổng ghét tôi...

Tôi lại bị ông hỏi:

– Tại sao người ta lại ghét?

Khi bị hỏi câu này, tôi thấy trong bụng sôi ruột rồi, tôi nghĩ không chừng phen này mình bị tù nữa cũng nên. Đằng nào cũng bị tù nữa, mình nên tỏ ra hách hách một tí. Tôi bèn, rất chững, trả lời ngang:

– Thừa thiếu Tá... có nhiều người, người ta ghét mình mà mình không biết tại sao...

Thiếu tá Oai ghét những thằng khúm núm nhưng được cái ông khoái những thằng làm được việc dù có ba gai một tí. Nói xong câu đó, tôi chờ đợi một là ông an ủi tôi, hai là ông ra lệnh cho Đại Đội Trưởng đưa tôi về tù thêm năm, bảy ngày nữa. Tôi thấy ông không hỏi vặn gì tôi nữa, ông nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi:

– Làm một cái văn thư gửi đi khắp nơi. Nói rằng từ giờ trở đi lính của tao tới đâu, làm điều gì bậy, phải báo cáo về để tao phạt chúng nó. Không được phạt lính của tao ở địa phương như thế này nữa...

Ông Đại Đội Trưởng của tôi vâng dạ còn tôi thì sướng mở cờ trong bụng, thế là tôi thoát rồi. Quả nhiên, Thiếu Tá Oai quay lại an ủi tôi đôi câu, tôi bèn biểu diễn một bộ mặt râu rĩ để tả oán:

– Thưa thiếu Tá... tôi chỉ vì nghe lệnh của Thiếu Tá nên bị người ra phạt tù mất mấy ngày. Bây giờ tôi được Thiếu Tá bảo vệ thì tôi đã bị tù oan mất mấy ngày...

Thiếu Tá Oai rất sành tâm lý. Ông hiểu tôi muốn yêu cầu gì ngay, không cần khỏi tôi muốn gì, ông bảo ngay ông Đại Đội Trưởng, người vẫn đứng nghiêm

cứng ngắc vì chưa được lệnh cho nghỉ:

– Cho nó nghỉ phép 15 ngày...

Tôi có tật được voi đòi tiên, bên thừa thắng xông lên mè nheo thêm:

– Thừa Thiếu Tá... Tôi từ Hà Nội vào đây đi lính dưới quyền Thiếu Tá... đã lâu lắm không được về thăm gia đình (thực ra gia đình gồm bố mẹ anh em tôi ở cả Sài Gòn) – nhân dịp nghỉ phép này, xin Thiếu Tá cho tôi về Hà Nội...

Thiếu Tá bèn nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi:

– Làm cho nó cái giấy máy bay cho nó về Hà Nội mười ngày...

Bây giờ, khi kể lại chuyện này, tôi
thấm cảm ơn Đại úy Trần Vĩnh
Đắc, Thiếu Tá Trần Tử Oai. Khi các ông
lên Tướng, tôi không có dịp nào để được
gần hai ông nhưng lúc nào tôi cũng có
cảm tình riêng với hai ông. Bởi vì các
ông đã đối với tôi thật tốt. Tôi chỉ là một
anh Trung sĩ quèn thôi, nhưng ngày tôi
ở lính, các ông vẫn nhìn thấy ở tôi một
thằng người, một thằng người cần sự
tử tế, cần lời lẽ ngọt ngào, cần an ủi và
khuyến khích, nếu không thằng người
đó sẽ khổ, sẽ hư và các ông đã tử tế với
tôi, đã ngọt ngào, an ủi, khuyến khích tôi
ngày tôi ở lính.

*KHOI HÀNH – Tuần báo văn học
nghệ thuật ra ngày thứ năm số 39 và 40,
ngày 22–29/01/1970. Xuân 1970*

